

Tại sao việc Mỹ rút khỏi Afghanistan có thể tốt cho châu Á?

Nguồn: David Hutt, “[Afghan retreat enables full US ‘pivot’ to Asia](#)”, Asia Times, 19/08/2021.

Biên dịch: Phan Nguyên

20/8/2021



Thời gian sẽ trả lời việc Mỹ đột ngột từ bỏ Afghanistan sau gần 20 năm cam kết có phải là một thời điểm mang tính quyết định trong nhiệm kỳ tổng thống của Joe Biden hay không.

Nhưng trong khi các nhà phân tích và bình luận cho rằng động thái này sẽ làm suy yếu nghiêm trọng uy tín của Mỹ trong ngắn hạn, có lý do chính đáng để tin rằng nó sẽ không ảnh hưởng nhiều đến các mục tiêu dài hạn và mối quan hệ của Washington ở các khu vực cốt lõi hơn đối với lợi ích chiến lược của Mỹ, đặc biệt là ở Đông Nam Á, một chiến trường quan trọng trong cuộc cạnh tranh ngày càng gia tăng với Trung Quốc.

Việc Mỹ rút khỏi Afghanistan ít khả năng sẽ làm giảm mạnh uy tín của Mỹ ở Đông Nam Á, theo lời ông Lê Hồng Hiệp tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á (ISEAS – Yusof Ishak Institute) ở

Singapore. Ông Hiệp nói thêm: “Về lâu dài, Đông Nam Á rất cuộc có thể được hưởng lợi từ việc Mỹ rút khỏi Afghanistan”.

Đó chắc chắn sẽ là thông điệp mà Phó Tổng thống Hoa Kỳ Kamala Harris mang theo khi đến thăm Việt Nam và Singapore, hai đối tác quan trọng của Hoa Kỳ, vào cuối tháng này. Hầu hết các chính phủ Đông Nam Á cho đến nay vẫn chưa công khai bày tỏ quan điểm về biến cố Afghanistan của Mỹ.

Khi Biden khẳng định chính quyền của ông sẽ giữ nguyên chính sách rút lui khỏi Afghanistan của chính quyền Trump vào đầu năm nay, phát ngôn viên chính phủ Campuchia, Phay Siphon, hồi tháng 7 nói rằng: “cần có một giải pháp hòa bình hơn là từ bỏ [Afghanistan hoàn toàn], bởi vì Afghanistan sẽ phải đối mặt với rất nhiều vấn đề an ninh.”

Một số nhà lãnh đạo khu vực trước đó đã đặt câu hỏi về mục đích can thiệp của Mỹ. Lý Quang Diệu, “người cha sáng lập” và cố thủ tướng của Singapore, đã nhận xét trong một cuộc phỏng vấn năm 2009:

“Không có nhà nước nào tồn tại ở đó trong 30, 40 năm qua. [Người Afghanistan] chỉ lo xung đột lẫn nhau kể từ khi vị vua cuối cùng của họ bị phế truất, đúng không? Làm thế nào bạn có thể ghép những mảnh vụn này lại với nhau? Điều đó là không thể.”

Cách đây vài năm, Tổng thống Indonesia, Joko Widodo, đã gợi ý chính phủ của ông có thể cố gắng đóng vai trò trung gian cho các cuộc đàm phán hòa bình giữa chính phủ Afghanistan và Taliban, mặc dù mục tiêu này đã thất bại khi Taliban từ chối xuất hiện.

Nhưng khi Taliban tiến quân nhanh, và xuất hiện các cảnh tượng gây sốc do công dân nước ngoài và người dân Afghanistan tranh nhau tháo chạy, các chính phủ Đông Nam Á đã buộc phải sơ tán hầu hết các nhà ngoại giao và công dân của họ khỏi Afghanistan vào cuối tuần qua.

Indonesia hiện đã sơ tán hầu hết các nhân viên ngoại giao của mình khỏi Kabul. Hôm thứ Hai, Bộ Ngoại giao Indonesia cho biết, họ sẽ chỉ để một vài nhân viên nòng cốt ở lại, mặc dù họ cũng có thể được sơ tán tùy vào tình hình an ninh.

Hàng chục người Philippines đã được chuyển từ Afghanistan đến Doha gần đó trước khi hồi hương, trong khi Manila cho biết họ sẵn sàng tiếp nhận người tị nạn từ Afghanistan. Việt Nam cũng đã rút công dân về nước.

Việc Taliban quay lại nắm quyền đặt ra những lo ngại về an ninh cho toàn bộ khu vực. Tuần này, tờ Straits Times dẫn lời một quan chức tại Cục An ninh Nội địa Singapore, nói rằng sự trở lại của Taliban có thể dẫn đến việc “gia tăng các hoạt động liên quan đến khủng bố ở Đông Nam Á”.

Các quan chức an ninh Indonesia cũng lo ngại rằng, chiến thắng của Taliban có thể truyền cảm hứng cho các hoạt động mới của Nhà nước Hồi giáo, cũng như các chiến binh của Al-Qaeda ở Đông Nam Á, bao gồm cả Jemaah Islamiyah.

Phản ứng nhất thời của nhiều chuyên gia là đánh đồng cuộc khủng hoảng hiện tại, vốn có khả năng đưa Afghanistan quay lại chế độ chuyên chế và sự tàn bạo tôn giáo, là thất bại lớn nhất trong chính sách đối ngoại của Mỹ trong nhiều thập niên.

Những người khác lại suy đoán rằng uy tín của Mỹ sẽ phải mất thời gian để phục hồi, và việc nước này rút khỏi Afghanistan sẽ khiến các đối thủ Trung Quốc và Nga mạnh dạn hơn.

Thật vậy, các nhà tuyên truyền của Trung Quốc và Nga đã tuyên bố rằng, việc Mỹ rút lui khỏi Afghanistan khiến các đồng minh tiềm năng khác của Mỹ, chẳng hạn như Philippines và Đài Loan, nhận thấy sự bảo vệ của Mỹ là không đáng tin cậy.

Nhưng việc Mỹ chấm dứt sự can thiệp trực tiếp và kéo dài ở Afghanistan có thể đồng nghĩa với việc gia tăng cam kết đối với các khu vực khác.

Tất nhiên, điều này không mấy vui vẻ đối với người Afghanistan, những người đã tin tưởng vào lời hứa của Washington về việc xây dựng một nền dân chủ tự do.

“Trong ngắn hạn, những người thường chỉ trích Mỹ sẽ công khai cổ vũ các sự kiện gần đây, và nhiều người đã làm như vậy,” Bradley Murg, nhà nghiên cứu cấp cao tại Viện Hợp tác và Hòa bình Campuchia, cho biết.

Một bài xã luận được xuất bản trong tuần này trên Fresh News, một cơ quan ngôn luận của chính phủ Campuchia, một đồng minh thân cận của Trung Quốc, cho rằng cuộc khủng hoảng ở Afghanistan đã phơi bày sự thất bại của Mỹ trong việc truyền bá dân chủ và nhân quyền ra quốc tế.

Nó cũng đặt câu hỏi tại sao các nhóm nhân quyền quốc tế thường xuyên chỉ trích chính phủ chuyên chế của Campuchia vẫn chưa lên tiếng chỉ trích Mỹ về những hành động của họ ở Afghanistan.

Nhưng khi lớp bụi lắng xuống, việc rút lui khỏi Afghanistan là cần thiết, và sẽ tạo cơ hội cho Hoa Kỳ tập trung mạnh mẽ hơn vào việc duy trì vị thế của mình trong tương lai ở Đông Nam Á, cũng như Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương nói chung.

Trên phương diện nào đó, việc Mỹ rút quân khỏi Afghanistan cũng là đỉnh điểm của việc Washington chuyển hướng sự chú ý khỏi khu vực Trung Đông, vốn lần đầu tiên được định hình vào đầu những năm 2010, khi chính quyền Barack Obama lần đầu tiên đưa ra chính sách “xoay trục” sang châu Á vào năm 2011.

Những người hoài nghi khẳng định vào thời điểm đó rằng, đây là một phản ứng bắt buộc sau những gì đã diễn ra; Mỹ đang thay đổi chính sách của mình để che giấu sự thất bại của họ ở Trung Đông, điều đã trở nên rõ ràng ngay cả vào đầu những năm 2010.

Nhưng chính quyền Obama, và sau đó là Trump, đã tăng cường đáng kể sự chú ý của họ đối với khu vực, mà sau này được gọi là “Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương”.

Trong số ít các quan chức chính phủ Đông Nam Á đã công khai nói về việc Mỹ rút khỏi Afghanistan tác động như thế nào đến sức mạnh của Mỹ trong khu vực, hầu hết đều nhấn mạnh rằng không có gì thực sự thay đổi.

Bộ trưởng Ngoại giao Philippines, Teodoro Locsin Jr, đã hoạt động tích cực trên Twitter để bảo vệ hành động của Biden, và ca ngợi mối quan hệ song phương của Philippines với Mỹ, bao gồm cả việc Manila vừa khôi phục Thỏa thuận các Lực lượng Viếng thăm gần đây, cho phép Mỹ luân chuyển quân và thiết bị trên đất Philippines.

“Đôi khi Mỹ muốn rút khỏi sân khấu thế giới; nhưng chỉ là nhất thời; đừng thúc ép họ, chứ đừng nói đến việc đẩy họ ra khỏi sân khấu,” ông viết trên Twitter hôm thứ Tư.

Sự can thiệp của Mỹ ở Trung Đông từ lâu đã là nguồn cơn gây tranh cãi ở Brunei, Indonesia và Malaysia, nơi có đa số dân số là người Hồi giáo, và việc nước này rút khỏi Afghanistan có thể loại bỏ một điểm gây tranh cãi ngoại giao. Uy tín của Mỹ ở Indonesia và Malaysia đã giảm xuống mức thấp nhất lịch sử ngay sau cuộc can thiệp vào Afghanistan năm 2001.

Biden đã tìm cách bảo vệ quyết định rút toàn bộ quân đội Mỹ của mình, thông qua việc ông nhấn mạnh rằng nước Mỹ không thể tiến hành cái gọi là “các cuộc chiến tranh không hồi kết”. Mặc dù điều này đã bị nhiều người chỉ trích là phi logic, vì quân đội Hoa Kỳ đã đóng quân ở Hàn Quốc từ những năm 1950, và ở châu Âu từ những năm 1940, logic này vẫn phù hợp với tinh thần của ASEAN là không can thiệp vào công việc nội bộ của các thành viên khác.

Một bài xã luận trên tờ Jakarta Post kết luận rằng: “Một bài học mà chúng ta có thể học được từ Afghanistan, là cho dù một quốc gia có vai trò chiến lược đến đâu thì cuối cùng, quốc gia đó cũng phải đứng vững trên đôi chân của mình... Chúng ta cảm thấy rất buồn cho người dân Afghanistan. Nhưng như Biden đã nói, người dân Afghanistan phải quyết định tương lai của đất nước họ”.

Ở một cấp độ cơ bản hơn, sẽ là không phù hợp khi cho rằng, sự thất bại của chính sách ở Trung Đông sẽ ảnh hưởng nhiều đến các hành động của Hoa Kỳ tại các khu vực khác trên thế giới.

Ngoại trừ trường hợp Myanmar, nơi dù sao Washington đã rất ít can dự kể từ sau cuộc đảo chính quân sự hồi tháng Hai, chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á không tập trung vào việc thay đổi chế độ hay xây dựng chế độ.

Washington không có ý định thay đổi các chế độ cộng sản của Lào và Việt Nam, và hiện Mỹ đưa các quan chức Cộng sản Việt Nam vào danh sách các đồng minh nhiệt thành nhất của họ ở châu Á.

Washington cũng không nỗ lực nhiều trong việc đẩy lùi sự quay lại của chủ nghĩa chuyên chế ở Thái Lan và Campuchia.

Thay vào đó, các chính sách an ninh của Mỹ trong khu vực mang tính truyền thống hơn, được thiết kế để hỗ trợ chủ quyền quốc gia, đảm bảo lòng tin của các đối tác, và chống lại tham vọng bành trướng của Trung Quốc.

Ngoài ra, các khu vực có thể xảy ra xung đột ở Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, chẳng hạn như tranh chấp Biển Đông và việc Bắc Kinh đe dọa xâm lược Đài Loan, cũng không giống với sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Trung Đông.

Bảo vệ những nước như Philippines và Việt Nam trong tranh chấp Biển Đông, cũng như bảo vệ Đài Loan trước một cuộc xâm lược trực tiếp của Trung Quốc, sẽ giống với những cuộc chiến tranh quy ước, chứ không giống với cuộc xung đột bất đối xứng chống lại các du kích Hồi giáo ở Afghanistan.

Hơn nữa, hoạt động của Mỹ ở Trung Đông thường tập trung vào việc cố gắng vực dậy các nền kinh tế ở những đất nước nghèo khó và không thể quản lý, một nhiệm vụ gần như bất khả thi nếu tiến hành chỉ trong vài thập niên.

Trong khi đó, ở Đông Nam Á, thử thách của Mỹ là làm thế nào để can dự tốt hơn với một số nền kinh tế đang phát triển nhanh nhất thế giới, đồng thời giúp họ giảm bớt sự phụ thuộc kinh tế vào Trung Quốc. Ngoài ra, cũng có thể cho rằng, các lợi ích an ninh của Mỹ ở châu Á mang tính quốc tế cao hơn nhiều, nếu so với những nỗ lực xây dựng nhà nước mà nhiều người coi là mang tính ý thức hệ ở Trung Đông.

Năm nay đã chứng kiến một số quốc gia châu Âu có ảnh hưởng, đặc biệt là Đức, tham gia vào các chiến dịch “tự do hàng hải” ở Biển Đông, một biện pháp nhằm bảo vệ luật pháp quốc tế trước các tuyên bố đòi thống trị các khu vực biển đang tranh chấp của Bắc Kinh.

Tham vọng của Mỹ trong khu vực cũng phù hợp với nguyện vọng của Nhật Bản, Ấn Độ và Australia, cũng như các đồng minh quan trọng khác. Chưa bao giờ có một sự đồng thuận quốc tế tương tự như vậy về các mục tiêu của Mỹ ở Trung Đông, điều này cản trở các chính sách và thành công của Mỹ ở đó.

Nhiều người đã so sánh những cảnh bi thảm ở Kabul trong tuần này với sự sụp đổ của Sài Gòn năm 1975, nhưng sự can dự của Mỹ ở nước ngoài không chấm dứt cùng với sự kết thúc của Chiến tranh Việt Nam. Hoàn toàn ngược lại.

Năm 1976, Mỹ bắt đầu tiến hành các hoạt động bí mật ở Angola, và đến đầu những năm 1980, họ đã đổi trọng tâm chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á sang chống lại mối đe dọa cộng sản, dù là có thật hay trong tưởng tượng, ở Trung Mỹ và Ca-ri-bê.

Nếu lịch sử cho chúng ta thấy một điều nào đó, thì đó là việc Mỹ rút quân ở một khu vực này thường đồng nghĩa với một sự can dự thậm chí còn lớn hơn ở một khu vực khác.

<http://nghiencuuquoccte.org/2021/08/20/tai-sao-viec-my-rut-khoi-afghanistan-co-the-tot-cho-chau-a/#more-41436>